

KẾ HOẠCH

triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Kết luận số 36-KL/TW); Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt, phổ biến nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ đời sống nhân dân.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền, sự phối hợp của mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp để nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành đập, hồ chứa nước, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh bảo đảm đáp ứng yêu cầu phát triển cả trước mắt, trung và dài hạn. Thông tin, dữ liệu về nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước phải được xác định là cơ sở quan trọng trong quá trình xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh.

3. Xác định công tác bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết, thường xuyên, liên tục, phải có sự quan tâm của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và toàn xã hội. Việc triển khai, tổ chức thực hiện Kết luận số 36-KL/TW phải được tiến hành nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm số lượng, chất lượng nước phục vụ dân sinh trong mọi tình huống; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, kinh doanh của các ngành, lĩnh vực; mọi người dân, mọi đối tượng đều được tiếp cận, sử dụng nước công bằng, hợp lý.

Chủ động tích trữ, điều hòa nguồn nước, khai thác, sử dụng hiệu quả đi đôi với bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước; ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai liên quan đến nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- *Đến năm 2025*: Bảo đảm 87% dân số ở thành thị và trên 58% dân số ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước sinh hoạt, nước cho sản xuất, đặc biệt là các huyện miền núi; cơ bản sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn các đập, hồ chứa nước bị hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng chống lũ theo thiết kế.

- *Đến năm 2030*: Cân đối đủ nguồn nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn định mức nguồn nước sinh hoạt; tỷ lệ dân số được cấp nước sạch theo quy chuẩn đạt 92% (trong đó thành thị đạt 100%; nông thôn đạt 90%); hoàn thành sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, thiếu năng lực phòng, chống lũ; khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước trong các lưu vực sông; hệ thống công trình thủy; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Đến năm 2045*: Chủ động được nguồn nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; dự báo, cảnh báo dài hạn để xử lý ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; kiểm soát và khắc phục tình trạng suy thoái, ô nhiễm nguồn nước tại các lưu vực sông, công trình thủy lợi.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới

Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt để cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp nhận thức đúng, đầy đủ về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài, liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ các cấp, các ngành và người dân trong thực hiện bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước trong tình hình mới. Phát huy vai trò giám sát của người dân, cộng đồng và vai trò của mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp trong tuyên truyền, khuyến khích, vận động nhân dân quản lý, chủ động tích trữ, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước

Kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách, quy định cụ thể hóa các chủ trương, quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; thường xuyên rà soát, sửa đổi các quy định còn vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền và kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung theo quy định. Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích thu hút nguồn lực để đầu tư các dự án trọng điểm; kết hợp lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án đầu tư công để đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới đập, hồ chứa nước đa mục tiêu; hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, bảo đảm năng lực cấp nước, tiêu thoát nước, kết hợp phục hồi nguồn nước suy thoái, ô nhiễm, bảo đảm an sinh xã hội.

Có chính sách thu hút nguồn vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước, liên kết, kết nối nguồn nước và công trình bảo đảm an sinh xã hội; hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, vật tư cho người dân các vùng khan hiếm nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai. Bố trí đủ nguồn lực để nâng cấp, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước trước mùa mưa lũ,

Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ, thu hút nguồn lực chất lượng cao làm công tác bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước

Thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, khắc phục chồng chéo, xung đột trong cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương; đẩy mạnh phân cấp gắn với tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong công tác bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp làm công tác quản lý nhà nước về nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước.

4. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và điều tra cơ bản, đánh giá trữ lượng nguồn nước

Chủ động tăng cường nghiên cứu, đánh giá tác động của việc xây dựng các công trình, dự án thủy lợi và các hoạt động phát triển, đặc biệt là công trình thủy lợi ở các lưu vực sông, suối; tiếp tục triển khai nghiên cứu, xây dựng kịch bản phát triển, giải quyết các tác động cục đoạn về hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập úng, ô nhiễm, suy thoái nguồn nước, bảo vệ môi trường nước, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác quy hoạch, điều tra cơ bản, giám sát, kiểm kê, đánh giá, dự báo trữ lượng nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phục vụ dân sinh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu địa phương về nguồn nước trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, bảo đảm sự kết nối, chia sẻ hiệu quả giữa Trung ương và các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.

5. Chủ động tích trữ, điều hoà, phân phối nguồn nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội

Phân bổ nguồn nước phải đảm bảo tính bền vững, dựa cơ sở trên kết quả đánh giá tương quan giữa nhu cầu khai thác sử dụng nước và khả năng đáp ứng của nguồn nước. Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) nhu cầu nước cho công nghiệp; (3) nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp; (4) nhu cầu sử dụng nước cho các lĩnh vực khác.

Rà soát, cơ cấu, sắp xếp lại quy mô các ngành, lĩnh vực sản xuất sử dụng nhiều nước; thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước, tái sử dụng nước; theo dõi, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất để giảm thất thoát, lãng phí; tăng cường thực hiện các biện pháp sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Đầu tư xây dựng công trình bảo vệ, kiểm soát nguồn nước, cấp, trữ nước, chuyển nước đặc biệt là các huyện miền núi, khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn do biến đổi khí hậu. Xây dựng Đề án hoặc Kế hoạch với lộ trình dài hạn chuyển đổi rừng sản xuất sang rừng phòng hộ tại khu vực 04 xã vùng lòng hồ Cẩm Sơn để bảo vệ và nâng cao năng lực trữ nước, chất lượng nước đáp ứng nhu cầu sử dụng trước mắt và lâu dài. Đầu tư đồng bộ, khép kín, hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm chủ động trữ nước, điều hoà, phân phối nguồn nước trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thiện công trình cấp, thoát nước sinh hoạt nông thôn, đô thị; ưu tiên đầu tư cho khu vực chịu ảnh hưởng của thiên tai, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; thực hiện giải pháp tích trữ nước quy

mô nhỏ, hộ gia đình phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

6. Nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước

Hoàn thành việc sửa chữa, nâng cấp các đập, hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp, chưa đủ khả năng thoát lũ theo thiết kế; trong đó ưu tiên các công trình có nguy cơ rủi ro cao, lưu vực tập trung dòng chảy nhanh. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới các đập, hồ chứa nước, công trình điều tiết nguồn nước theo đúng lộ trình Quy hoạch được phê duyệt để tích trữ nước, cắt giảm lũ, bảo đảm an toàn chống lũ, kiểm soát nguồn nước.

Rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên, từng bước đầu tư xây dựng mới các đập, hồ chứa nước, công trình điều tiết nguồn nước tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt để tích trữ nước, chuyên nước, cắt giảm lũ; nâng cấp, hiện đại hoá các công trình phòng, chống tác hại của nước, bảo đảm an toàn chống lũ kết hợp kiểm soát nguồn nước.

Tiếp tục rà soát, đánh giá lại công năng, nhiệm vụ, quy trình vận hành của các đập, hồ chứa nước; triển khai nạo vét bồi lắng lòng hồ, bảo đảm dung tích phòng lũ của hồ chứa theo thiết kế. Hiện đại hoá hệ thống quan trắc, cảnh báo, cơ sở thông tin dữ liệu liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước. Tăng cường công tác quản lý, vận hành các đập, hồ chứa nước, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du đập. Tiếp tục hoàn thiện các nội dung theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước nhằm nâng cao năng lực quản lý, vận hành khai thác cũng như bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước và vùng hạ du công trình.

7. Phòng, chống, giảm thiểu tác động bất lợi do thiên tai liên quan đến nước và biến đổi khí hậu

Tăng cường năng lực, chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu, nguy cơ mất an ninh nguồn nước theo thời gian thực và định hướng về phát triển đô thị, công nghiệp bảo đảm sự chủ động, linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành; kịp thời cung cấp thông tin, dữ liệu, bảo đảm chủ động trong phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh. Tăng cường chuyển đổi số, hiện đại hoá công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thuỷ lợi, hệ thống chống ngập đô thị, công nghiệp, khu dân cư; quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi lòng sông, hồ chứa nước.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hiện đại hoá mạng lưới quan trắc khí tượng thuỷ văn, trạm thuỷ văn chuyên dùng. Xây dựng, củng cố, nâng cấp bảo đảm an toàn công trình thuỷ lợi. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình nâng cấp hệ thống đê sông; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các dự án di dân khẩn cấp phòng, chống lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông.

8. Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước

Tăng cường nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại, thông minh, vật liệu thân thiện với môi trường, phục vụ quản lý nguồn nước, bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, điều tiết nguồn nước, ứng phó với thiên tai liên quan đến nước, thích ứng với biến đổi khí hậu. Chú trọng nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ để tái sử dụng nước và phát triển, tạo nguồn nước mới, thu, tích trữ, điều tiết, điều hoà, chuyên nước, liên kết nguồn nước; sử dụng tiết kiệm nước, hiệu quả, an toàn, tuần hoàn, giảm thất thoát nước, tăng hiệu quả sử dụng nước; giám sát, quan trắc an toàn cho hệ thống đập, hồ chứa nước, mạng lưới khí tượng thủy văn và hệ thống quan trắc; quản lý hiệu quả nhu cầu sử dụng nước trong các ngành kinh tế, nhất là trong nông nghiệp, công nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước.

9. Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn sinh thủy, phòng, chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

Xác định dòng chảy tối thiểu cho các sông, suối và cần giám sát chặt chẽ để duy trì được dòng chảy tối thiểu. Tăng cường bảo vệ nguồn sinh thủy bằng cách duy trì và phát triển diện tích rừng đầu nguồn. Chỉ đạo xây dựng, ban hành kế hoạch phát triển trồng rừng gỗ lớn gắn với bảo vệ, phát huy giá trị rừng, tạo nguồn sinh thủy, nhất là rừng thuộc lưu vực các hồ chứa nước lớn, quan trọng như hồ Cẩm Sơn, Khuôn Thần...

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các nguồn thải. Các nguồn nước thải trước khi xả vào nguồn nước phải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép. Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn thải, chất thải xả vào nguồn nước, nhất là nước thải sinh hoạt, công nghiệp, đặc biệt là trong hệ thống công trình thủy lợi và các trục kênh tiêu nội thị trên địa bàn tỉnh. Đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải; xác định mục tiêu, lộ trình giảm xả thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi không còn khả năng chịu tải. Xây dựng hệ thống giám sát môi trường tự động đối với nguồn nước mặt sông Thương, sông Cầu và sông Lục Nam. Tập trung xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các khu, cụm công nghiệp, các đô thị.

Xây dựng và triển khai lộ trình cấm sử dụng các loại hoá chất độc hại gây ô nhiễm nguồn nước; quản lý chặt chẽ khai thác nước ngầm ở khu vực có nguy cơ sụt lún đất. Đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm

nghiêm trọng, bảo vệ nguồn nước. Bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn; đẩy nhanh việc phủ xanh đất trống; bảo vệ và phát triển bền vững nguồn sinh thủy và các hệ sinh thái.

Đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, ô nhiễm nghiêm trọng, bảo vệ nguồn nước; bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn; đẩy nhanh việc phủ xanh đất trống, đồi núi trọc; bảo vệ và phát triển bền vững nguồn sinh thủy trên các lưu vực sông, suối, hồ chứa.

Tăng cường phối hợp với các tỉnh trong vùng cùng khai thác, bảo vệ nguồn nước sông, suối; bảo vệ nghiêm ngặt nước đầu nguồn, đặc biệt phối hợp chặt chẽ với các địa phương lân cận như Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hải Dương để bảo vệ môi trường nước lưu vực sông Thương, sông Cầu.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh căn cứ Kết luận số 36-KL/TW; Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 36-KL/TW của Chính phủ và Kế hoạch này xây dựng, ban hành Kế hoạch cụ thể hóa để tổ chức thực hiện; trong đó cần xác định rõ các yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần tập trung thực hiện, tiến độ hoàn thành, phân công rõ trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan.

Chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, quy định về công tác bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước của tỉnh và báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, các quy định, cơ chế, chính sách còn chồng chéo, bất cập, vướng mắc tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu thực tiễn và khả năng bố trí nguồn lực của tỉnh.

2. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch này, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đơn vị (*xong trong Quý II/2023*); định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch này theo quy định.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân bằng hình thức phù hợp, qua đó nâng cao nhận thức, tăng cường đồng thuận xã hội trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, phục vụ đời sống nhân dân.

4. Ủy ban mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW và Kế hoạch này.

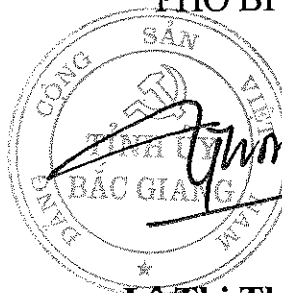
5. Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận số 36-KL/TW theo quy định.

Nơi nhận: *M*

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, cơ quan, ban, ngành tỉnh,
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

(báo cáo)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Lê Thị Thu Hồng